TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: **124/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2019
V/v: "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp
Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Học - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Như Nên – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Phạm Mai T**, sinh năm 1990.
Địa chỉ:163/160 CMT8, khu phố 4, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1986.
Địa chỉ: 15/96, Huỳnh Văn L, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Mai T trình bày:

Bà và ông H kết hôn vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày

22/3/2016. Ly hôn bà đồng ý giao con cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Do ông H không có lời khai nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, còn nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Bà T, ông H sau khi kết hôn chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T trình bày do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp nhau. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2018. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện hòa giải cho bà T, ông H hàn gắn đoàn tụ, nhưng ông H vắng mặt không lý do, còn bà T vẫn cương quyết

xin ly hôn, cho thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T, ông H có 01 con chung tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 22/3/2016. Ly hôn bà T đồng ý giao con cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu C đang do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H không có mặt tại Tòa án khi Tòa triệu tập, cũng không có lời khai trình bày ý kiến về con chung. Do đó giao cháu C cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định về mọi mặt cho cháu C. Tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà T trình bày về tài sản chung, nợ chung là không có. Do ông H không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp tại biên lai số 0003990 ngày 31/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí.

[7] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 203; Điều 220, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Phạm Mai T và ông Trần Ngọc H.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 22/3/2016 cho bà Nguyễn Phạm Mai T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Trần Ngọc H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp tại biên lai số 0003990 ngày 31/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí.

Bà T, ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tuyền

Nơi nhận:
-VKS (2)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
-Đương sự (2)
- UBND